

**CÔNG TY CP TƯ VẤN XÂY DỰNG VIỆT LINH**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CP TƯ VẤN XÂY DỰNG VIỆT LINH

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 4700250450

**3. Ngày đăng ký thành lập:** 06/06/2014

**4. Địa chỉ trụ sở chính:** Số 167 tổ 15, Phường Sông Cầu, Thị xã Bắc Kạn, Tỉnh Bắc Kạn, Việt Nam

Điện thoại: 0964848333

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | Mã ngành                                                     |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------|
| 1.  | Xây dựng nhà các loại                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 4100                                                         |
| 2.  | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 4322                                                         |
| 3.  | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 4330                                                         |
| 4.  | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 4669                                                         |
| 5.  | Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác<br>Chi tiết: Xử lý, phòng chống mối mọt các công trình xây dựng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 4390                                                         |
| 6.  | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng<br>Chi tiết: Xi măng, cát, đá, sỏi, ống nước, gạch ốp lát và các loại vật liệu, thiết bị khác trong xây dựng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 4663                                                         |
| 7.  | Chuẩn bị mặt bằng<br>Chi tiết: San ủi, đào lấp, phá đá, vận chuyển đá, nổ mìn                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 4312                                                         |
| 8.  | Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 4210                                                         |
| 9.  | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 4290                                                         |
| 10. | Hoạt động tư vấn quản lý                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 7020                                                         |
| 11. | Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan<br>Chi tiết: Giám sát thi công xây dựng dân dụng, công trình giao thông cấp IV, hạ tầng kỹ thuật cấp IV, hoạt động đo đạc bản đồ; khảo sát lập dự án; Hoạt động thăm dò địa chất nguồn nước; hoạt động tư vấn kỹ thuật có liên quan khác<br>Thẩm tra hồ sơ báo cáo kinh tế kỹ thuật, thiết kế kỹ thuật thi công, dự toán, tổng dự toán các công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp, giao thông thủy lợi và hạ tầng kỹ thuật<br>Lập hồ sơ mời thầu, đánh giá hồ sơ mời thầu | 7110(Chính)                                                  |
| 12. | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 4329                                                         |
| 13. | Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 0810                                                         |
| 14. | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 4649                                                         |
| 15. | Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 4711                                                         |
| 16. | Bán buôn tổng hợp                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 4690                                                         |
| 17. | Vệ sinh nhà cửa và các công trình khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 8129                                                         |
| 18. | Phá dỡ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 4311                                                         |
| 19. | Lắp đặt hệ thống điện                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 4321                                                         |
| 20. | Xây dựng công trình công ích<br>Chi tiết: xây dựng công trình thủy lợi, xây dựng đường dây và trạm biến áp điện đến 35 KV, xây dựng lắp đặt công trình bưu chính viễn thông                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 4220                                                         |
| 21. | Đối với ngành nghề kinh doanh có điều kiện, doanh nghiệp chỉ được phép kinh doanh khi có đủ các điều kiện theo quy định của pháp luật                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | Ngành, nghề chưa khớp mã với Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam |

**6. Vốn điều lệ:** 1.500.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần: 10.000 VNĐ/Cổ phần

Tổng số cổ phần: 0

7. Số cổ phần được quyền chào bán:

8. Vốn pháp định: 0 VNĐ

9. Danh sách cổ đông sáng lập:

| STT | Tên cổ đông       | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần      | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số giấy CMND (chứng thực cá nhân) đối với cá nhân; MSD N đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|-------------------|--------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|------------|-----------------------|-----------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | HÀ VĂN THỤY       | Tổ 15, Phường Sông Cầu, Thị xã Bắc Kạn, Tỉnh Bắc Kạn, Việt Nam                       | Cổ phần phổ thông | 100.005    | 1.000.050.000         | 66,67     | 095126132                                                                                                              |         |
|     |                   |                                                                                      | Tổng số           | 100.005    | 1.000.050.000         | 66,67     |                                                                                                                        |         |
| 2   | HÀ VĂN ĐOÁN       | Thôn Bản Cải, Xã Liềm Thủy, Huyện Na Rì, Tỉnh Bắc Kạn, Việt Nam                      | Cổ phần phổ thông | 30.000     | 300.000.000           | 20        | 095144190                                                                                                              |         |
|     |                   |                                                                                      | Tổng số           | 30.000     | 300.000.000           | 20        |                                                                                                                        |         |
| 3   | NGUYỄN PHƯƠNG LAN | Phòng 413 E3, Phường Bách Khoa, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam        | Cổ phần phổ thông | 19.995     | 199.950.000           | 13,33     | 013151917                                                                                                              |         |
|     |                   |                                                                                      | Tổng số           | 19.995     | 199.950.000           | 13,33     |                                                                                                                        |         |

10. Người đại diện theo pháp luật:

Họ và tên: HÀ VĂN THỤY

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Ngày sinh: 26/10/1974

Dân tộc: Tày

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy chứng thực cá nhân: Giấy chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 095126132

Ngày cấp: 17/01/2006

Nơi cấp: Công an tỉnh Bắc Kạn

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ 15, Phường Sông Cầu, Thị xã Bắc Kạn, Tỉnh Bắc Kạn, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Tổ 15, Phường Sông Cầu, Thị xã Bắc Kạn, Tỉnh Bắc Kạn, Việt Nam

11. Nơi đăng ký:

Phòng Đăng ký kinh doanh Tỉnh Bắc Kạn